

Số: 2927 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 25 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án nâng cao Chỉ số cải cách hành chính  
(PAR INDEX) tỉnh Bình Phước đến năm 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 18/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể về CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Kết quả công bố Chỉ số cải cách của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Bộ Nội vụ công bố từ năm 2012 đến năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ Trình số 2232/TTr-SNV ngày 11/12/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Bình Phước đến năm 2020.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP;
- Sở Nội vụ: 03 bản;
- Đài phát thanh và Truyền hình;
- Báo Bình Phước;
- LĐVP
- Lưu: VT, P: NC.(H-QĐ185-CCHC)<sub>1712</sub>

.0K.



**CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Văn Trùm*



**ĐỀ ÁN**

**Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính  
(PAR INDEX) tỉnh Bình Phước đến năm 2020**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2927/QĐ-UBND  
ngày 25 / 12 / 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Một số nội dung cơ bản về Chỉ số cải cách hành chính**

Từ nhiều năm nay, cải cách hành chính đã là một vấn đề mang tính tương đối phổ cập của xã hội. Người dân, tổ chức cảm nhận được kết quả, tác động của cải cách hành chính một cách trực tiếp nhất khi có việc phải tiếp xúc, giải quyết công việc với các cơ quan hành chính nhà nước. Để triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020, ngày 03/12/2012 Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1294/QĐ-BNV về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

Về cơ cấu tiêu chí bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh được xác định trên 8 lĩnh vực, 34 tiêu chí và 104 tiêu chí thành phần (trong đó: 71 tiêu chí thành phần do tỉnh tự chấm, Bộ Nội vụ thẩm định và 33 tiêu chí thành phần do điều tra xã hội học, cụ thể là: Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính gồm 6 tiêu chí và 19 tiêu chí thành phần; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, gồm 3 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần; cải cách thủ tục hành chính, gồm 2 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, gồm 5 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, gồm 6 tiêu chí và 20 tiêu chí thành phần; đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, gồm 5 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần; hiện đại hóa hành chính, gồm 3 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, gồm 4 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.

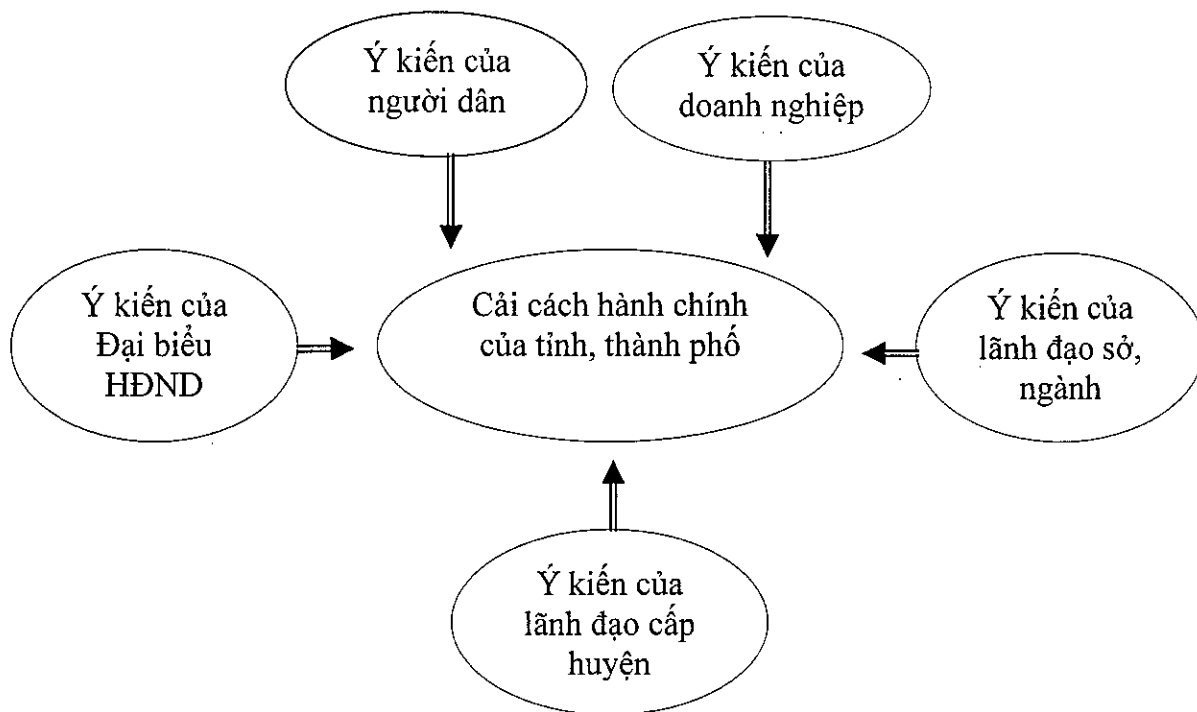
Phương pháp đánh giá: Tỉnh tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh và cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh và đánh giá thông qua xã hội học với thang điểm đánh giá là 100.

Trong đó, điểm tỉnh tự đánh giá và gửi các tài liệu kiểm chứng về Bộ Nội vụ tổng hợp chấm lại với thang điểm 62/100 điểm và điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học với thang điểm 38/100 điểm (Việc điều tra xã hội học do Bộ



*Nội vụ đánh giá, tình chỉ phối hợp với Bộ Nội vụ phát phiếu điều tra đến các đối tượng điều tra mà Bộ Nội vụ đã quy định).*

Dưới đây là Biểu đồ điều tra xã hội học.



*Biểu đồ xã hội học đánh giá CCHC cấp tỉnh*

## **2. Ý nghĩa của Chỉ số cải cách hành chính**

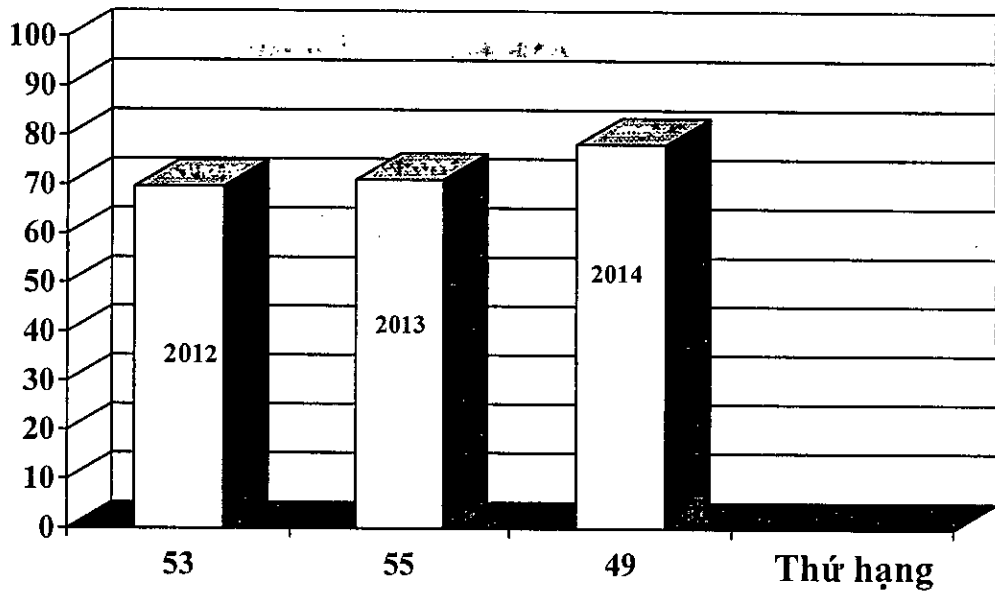
Chỉ số cải cách hành chính là công cụ pháp lý đầu tiên của nhà nước ta nhằm theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị. Mặt khác, mục đích của Chỉ số cải cách hành chính là để triển khai hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020. Điều này, được thể hiện rất rõ qua các mục tiêu của Chỉ số cải cách hành chính, đã đánh giá toàn diện, thực chất, khách quan, xác định rõ mặt mạnh, mặt yếu trong thực hiện các nội dung của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước và đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính bằng định lượng.

## **II. THỰC TRẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2012-2014**

### **1. Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012-2014**

a) Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2012-2014 so với các tỉnh, thành phố trên cả nước

### Điểm số



*Biểu đồ Xếp hạng PAR INDEX tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 - 2014*

Theo Biểu đồ trên, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước: Năm 2012 tỉnh Bình Phước nằm trong nhóm trung bình của cả nước, đến năm 2013 và năm 2014 tỉnh Bình Phước nằm trong nhóm có Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70% đến 80%.

Năm 2013 Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh đạt 71,06%, tăng 1,37% so với năm 2012. Tuy Chỉ số cải cách hành chính năm 2013 có tăng so với năm 2012, nhưng vẫn còn ở mức tăng chậm so với các tỉnh, thành phố, do đó xếp hạng năm 2013 hạ 2 bậc so với năm 2012 (từ vị trí 53/63 tỉnh, thành phố xuống hạng 55/63 tỉnh, thành phố).

Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của tỉnh có cải thiện so với năm 2013 (đạt 78,34%, tăng 7,27% so với năm 2013) và xếp hạng tăng lên 6 bậc, từ vị trí 55/63 tỉnh, thành phố lên vị trí 49/63 tỉnh, thành phố.

Như vậy, tuy Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh có tăng, nhưng vẫn ở mức tăng chậm so với các tỉnh, thành phố trên cả nước.

b) Kết quả điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Bình Phước với các tỉnh, thành phố trong khu vực Đông Nam bộ

Tên các tỉnh, thành miền ĐNB	Điểm số			Thứ hạng		
	2012	2013	2014	2012	2013	2014
Bình Phước	69,69	71,06	78,34	6	6	6
Bình Dương	81,26	86,86	85,22	3	1	4
Bà Rịa-Vũng Tàu	86,14	82,7	85,69	1	3	3

Đồng Nai	74,07	81,73	88,56	5	4	1
Tây Ninh	80,35	78,17	84,63	4	5	5
Thành phố Hồ Chí Minh	83,83	83,52	87,12	2	2	2

*Bảng tổng hợp điểm số Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước so với các tỉnh, thành phố trong khu vực Đông Nam bộ*

Trong 6 tỉnh, thành phố trong khu vực Đông Nam bộ: Năm 2012 có 5/6 tỉnh, thành phố được xếp vào nhóm khá đến nhóm rất tốt so với cả nước, riêng chỉ có tỉnh Bình Phước nằm trong nhóm trung bình của cả nước; có 2/6 tỉnh, thành phố có Chỉ số nằm trong top 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Đến năm 2014, khu vực Đông Nam bộ đã có 6/6 tỉnh, thành phố được xếp vào nhóm khá đến nhóm rất tốt so với cả nước. Trong đó: 3/6 tỉnh, thành phố có Chỉ số nằm trong top 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; 5/6 tỉnh, thành phố có Chỉ số cải cách hành chính trên 80%. Riêng tỉnh Bình Phước Chỉ số cải cách hành chính mới chỉ đạt 78,34% và ở mức đứng thấp nhất (6/6) so với các tỉnh, thành phố trong khu vực Đông Nam bộ.

Điều này, cho thấy kết quả cải cách hành chính của tỉnh Bình Phước còn thấp hơn rất nhiều so với các tỉnh, thành phố trong khu vực Đông Nam bộ.

c) Kết quả các lĩnh vực thuộc Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước thể hiện qua điểm số

Chỉ số thành phần	Điểm số			Thay đổi điểm số	
	2012	2013	2014	2013/2012	2014/2013
1. Lĩnh vực công tác chỉ đạo điều hành	9,89	10,92	12,71	1,03	1,79
2. Lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản QPPL	7,47	7,22	8,4	-0,25	1,18
3. Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính	7,25	8,75	9	1,5	0,25
4. Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy	10,24	10,34	11,19	0.1	0,85
5. Lĩnh vực xây dựng và nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức	8,59	6,64	8,5	-1,95	2,04
6. Lĩnh vực đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan sự nghiệp công lập	8,81	10,68	10,5	0.87	-0,18

7. Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính	8,27	7,49	8,41	-0,78	1,32
8. Lĩnh vực thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	9,22	9,2	9,64	-0,02	0,24
Tổng	69,69	71,06	78,34	1,37	7,28

*Bảng điểm số các lĩnh vực thuộc Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước qua 3 năm (2012 - 2014)*

Theo kết quả công bố của Bộ Nội vụ về Chỉ số cải cách hành chính: Năm 2013 Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước có 4/8 lĩnh vực tăng điểm, trong đó các lĩnh vực tăng điểm đáng kể là: Lĩnh vực công tác chỉ đạo điều hành, tăng 1,03 điểm, lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính tăng 1,5 điểm. Bên cạnh đó, có 4/8 lĩnh vực có chỉ số thành phần hạ điểm, đặc biệt lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, giảm 1,95 điểm.

Đến năm 2014 đã có 7/8 lĩnh vực có số điểm tăng, chỉ còn một lĩnh vực có chỉ số giảm là lĩnh vực đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan sự nghiệp công lập, giảm 0,18 điểm so với năm 2013.

Lý do điểm số giảm: Theo kết quả điều tra xã hội học thì tại tỉnh tỷ lệ đánh giá chất lượng dịch vụ giáo dục công lập và chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập đạt 72,71% giảm 5,15% so với năm 2013.

Như vậy theo bảng kết quả điểm số các lĩnh vực thuộc Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước, từ năm 2012 đến năm 2014, thì phần lớn các lĩnh vực thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh tăng đều qua các năm. Tuy nhiên vẫn còn ở mức tăng chậm so với các tỉnh, thành phố khác.

## **2. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước năm 2014**

Theo thông báo kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của Bộ Nội vụ, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh đạt **78,34%** (tăng 7,28 điểm so với năm 2013). Xếp hạng đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố (tăng 06 bậc so với năm 2013), Cụ thể Chỉ số cải cách hành chính tỉnh có 7/8 lĩnh vực có điểm số tăng đều; 2/8 lĩnh vực được Bộ Nội vụ thẩm định cho điểm tối đa; 5/8 lĩnh vực có thứ hạng tăng và 49/104 tiêu chí thành phần đạt điểm tối đa. Bên cạnh những kết quả đạt được, Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 vẫn còn 1/8 lĩnh vực có điểm số giảm; 3/8 lĩnh vực có thứ hạng giảm và 55/104 tiêu chí thành phần không được Bộ Nội vụ cho điểm tối đa, trong đó 08 tiêu chí thành phần Bộ Nội vụ cho điểm 0. Đặc biệt có 3/8 lĩnh vực Chỉ số cải cách hành chính có thứ hạng thấp (Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố; lĩnh vực đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan sự nghiệp công lập, đứng thứ 55/63 tỉnh, thành phố; lĩnh vực thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố). Cụ thể, từng lĩnh vực, như sau:

- Lĩnh vực chỉ đạo điều hành là nội dung quan trọng, quyết định đến Chỉ số cải cách hành chính, năm 2014 tỉnh Bình Phước được nằm trong top 32 tỉnh,

thành phố có Chỉ số tại lĩnh vực này trên 90% (90,79%), tăng 12,79% so với năm 2013. Xếp hạng đứng thứ 29/63 tỉnh, thành phố (tăng 09 bậc so với năm 2013);

- Lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản QPPL của tỉnh có những cải thiện vượt bậc, tại lĩnh vực này đã có 12/12 tiêu chí thành phần được Bộ Nội vụ cho điểm, cao hơn năm 2013: 03 tiêu chí thành phần và được nằm trong nhóm 36 tỉnh, thành có Chỉ số trên mức trung bình là 81,90% (84%), tăng 11,8 % so với năm 2013. Xếp hạng đứng thứ 21/63 tỉnh, thành phố (tăng 17 bậc so với năm 2013);

- Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính đã được thực hiện tốt hơn năm 2013, như: Ban hành Kế hoạch rà soát đánh giá thủ tục hành chính theo đúng quy định và công khai thủ tục hành chính đầy đủ, thường xuyên. Chỉ số cải cách đạt 90%, tăng 0,25 % so với năm 2013. Xếp hạng đứng thứ 27/63 tỉnh, thành phố (tăng 23 bậc so với năm 2013);

- Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy tương đối ổn định, đã luôn tuân thủ đúng các quy định về tổ chức bộ máy của chính phủ, việc thực hiện phân cấp quản lý cũng được chú trọng, do đó điểm tiêu chí thành phần tự chấm mà Bộ Nội vụ thẩm định đạt điểm tối đa 6,5/6,5 điểm và tại lĩnh vực này Chỉ số đạt 89,52%, tăng 6,8% so với năm 2013. Xếp hạng đứng thứ 27/63 tỉnh, thành phố (tăng 23 bậc so với năm 2013);

- Lĩnh vực xây dựng và nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức đạt 57,93%, tăng 13,8% so với năm 2013. Xếp hạng đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố (tăng 02 bậc so với năm 2013);

- Lĩnh vực đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan sự nghiệp công lập: theo kết quả công bố của Bộ Nội vụ thì lĩnh vực này đạt 80,77%, giảm 1,36 % so với năm 2013. Xếp hạng đứng thứ 55/63 tỉnh thành (hạ 19 bậc so với năm 2013). Đây là lĩnh vực duy nhất năm 2014 của tỉnh có số điểm hạ so với năm 2013, lý do:

Theo kết quả điều tra xã hội học tại tỉnh năm 2014: tỷ lệ đánh giá chất lượng dịch vụ giáo dục công lập và chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập đạt 72,71% giảm 5,15% so với năm 2013.

- Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính của tỉnh: Đã có nhiều kết quả tích cực trong các hoạt động quản lý văn bản, về sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc, về xây dựng, thiết lập và vận hành Cổng thông tin điện tử. Tuy nhiên, tỉnh mới chỉ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và 3 chưa có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tại lĩnh vực này, tỉnh đạt 67,28%, tăng 7,36% so với năm 2013. Xếp hạng đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố (hạ 05 bậc so với năm 2013);

- Về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Tại tỉnh có 20/20 sở, ban, ngành và 111/111 xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, 2/10 huyện, thị xã thực hiện cơ chế một cửa hiện đại, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đều thực hiện đúng các quy định theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả tại lĩnh vực này tỉnh đạt

71.41% tăng 0,68% so với năm 2013. Xếp hạng đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố (hạ 09 bậc so với năm 2013).

### **3. Nguyên nhân dẫn đến Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh còn thấp**

1. Một số lãnh đạo sở, ban, ngành chưa thực sự quan tâm đến việc nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, chưa chỉ đạo sâu sát bộ phận công chức thực hiện việc tự chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính của lĩnh vực ngành mình quản lý, chưa coi trọng việc xác định chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, các nội dung yêu cầu trong việc tự chấm điểm chưa được giải trình cụ thể và việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng không được đầy đủ.

2. Việc triển khai các văn bản của Trung ương, của tỉnh liên quan đến cải cách hành chính đặc biệt là những văn bản liên quan đến Bộ chỉ số cải cách hành chính tại một số lĩnh vực còn chậm.

3. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính còn hạn chế; công tác tham mưu UBND tỉnh xây dựng các kế hoạch năm của một số cơ quan, đơn vị chưa đạt yêu cầu về thời gian so với Bộ chỉ số.

4. Mức độ hoàn thành Kế hoạch đề ra của một số cơ quan, đơn vị còn thấp.

5. Việc cập nhật thủ tục hành chính chưa được kịp thời.

6. Đề án xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm chưa hoàn thiện.

7. Việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp sở và tương đương trở xuống tại tỉnh chưa thực hiện. Bên cạnh đó, tỷ lệ chuẩn trình độ cán bộ, công chức cấp xã còn thấp.

8. Việc triển khai thực hiện ISO hành chính công còn chậm.

9. Việc áp dụng hệ thống một cửa hiện đại tại cấp huyện và một số sở, ban, ngành còn chậm triển khai thực hiện do hạn chế về kinh phí.

10. Sự hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công còn thấp, nhất là các dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục.

### **III. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **1. Căn cứ xây dựng Đề án**

a) Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 18/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020;

b) Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể về CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020;

c) Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

d) Kết quả công bố Chỉ số cải cách của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Bộ Nội vụ công bố từ năm 2012 đến năm 2014;





đ) Các văn bản và tài liệu có liên quan khác.

## **2. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Trong những năm qua, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, quán triệt và đã đạt được những thành quả rất đáng ghi nhận trên tất cả các lĩnh vực: Cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính nhà nước. Một số kết quả nổi bật như: Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hoạt động ngày càng hiệu quả, các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, rõ ràng tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, lề lối và phương thức làm việc đã được chấn chỉnh và đi vào nề nếp, việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001-2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đã tạo ra một bước chuyển biến lớn trong công cuộc cải cách hành chính, làm cho thủ tục hành chính giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, công dân được giải quyết một cách nhanh gọn, chính xác, thời gian giải quyết công việc hợp lý hơn và cơ bản đã tạo được môi trường làm việc thân thiện giữa cơ quan hành chính nhà nước với công dân và tổ chức.

Theo thông báo kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm đến 2014 của Bộ Nội vụ, thì sau 3 năm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh tăng đều qua các năm (*năm 2012 đạt 69,69%, năm 2013 đạt 71,06% và năm 2014 đạt 78,34%. Bình quân 3 năm đạt 73,03%*).

Mặc dù, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh qua các năm đều tăng, nhưng vẫn ở mức tăng chậm so với các tỉnh, thành phố và nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có thứ bậc thấp (*đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố*).

Từ những cơ sở trên đã đặt ra cho các cấp lãnh đạo chính quyền từ tỉnh tới cơ sở cần có những nỗ lực, chương trình hành động cụ thể và quyết liệt để đưa Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh lên vị trí xếp hạng tốt hơn. Do đó, việc xây dựng “Đề án Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Phước đến năm 2020” là rất cần thiết. Đề án được xây dựng trên cơ sở so sánh tương quan với cả nước, các tỉnh trong khu vực Đông Nam bộ, từ đó nhận diện những mặt mạnh, những mặt còn hạn chế nhằm tìm ra giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, tạo bước đột phá và sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Đề án sẽ là cơ sở để các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã xây dựng và triển khai các kế hoạch, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước của mỗi đơn vị, nhằm nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

## **IV. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Mục tiêu của Đề án**

#### **a) Mục tiêu chung**

Xây dựng hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng

lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ; tiếp tục ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin để cải tiến phương thức, lề lối làm việc và nâng cao năng lực điều hành, quản lý; tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh từ nay đến năm 2020.

**b) Mục tiêu cụ thể**

Phấn đấu cải thiện điểm số tại các lĩnh vực Chỉ số cải cách hành chính, nâng dần vị trí xếp hạng và điểm số Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, nằm trong nhóm tỉnh, thành phố có điểm số trên 80 điểm trở lên. Đồng thời, vị trí xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh nằm trong nhóm các địa phương có chất lượng tốt về công tác chỉ đạo điều hành và nằm trong vị trí top 30 tỉnh, thành phố có Chỉ số cải cách hành chính tốt.

**2. Phạm vi và đối tượng của Đề án**

**a) Phạm vi của Đề án**

Đề án nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Bình Phước đến năm 2020 được áp dụng triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**b) Đối tượng của Đề án**

Lãnh đạo tỉnh và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trên địa bàn tỉnh.

**V. GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2020**

**1. Giải pháp chung**

a) Thực hiện, triển khai đầy đủ và đúng các quy định về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính nhà nước của Chính phủ và của các Bộ, ngành Trung ương ban hành. Cải thiện, khắc phục những nội dung còn tồn tại, hạn chế.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án, kế hoạch cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương.

c) Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, ổn định và thống nhất, bảo đảm việc tổ chức thực thi pháp luật được nghiêm minh, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với những quy định mới của nhà nước và tình hình thực tiễn địa phương.

d) Tiếp tục rà soát đơn giản hóa, niêm yết công khai thủ tục hành chính trên các lĩnh vực; đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND các huyện, thị xã.

đ) Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã theo quy định; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải

luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt quy tắc ứng xử trong thực thi công vụ, xây dựng đạo đức công vụ và văn hóa công sở, phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu của nhân dân và doanh nghiệp.

e) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với cải cách chế độ công vụ, công chức và tinh giản biên chế; xây dựng và triển khai thực hiện thi tuyển chức danh lãnh đạo tại các sở, ban, ngành và các phòng, ban cấp huyện khi có văn bản quy định của Trung ương.

g) Tiếp tục thực hiện khoán biên chế và kinh phí hành chính, kinh phí sự nghiệp theo quy định. Tập trung rà soát, bổ sung hoàn chỉnh lại một số cơ chế, chính sách mới theo hướng ổn định, thông thoáng, công khai, lâu dài để thực hiện, kiểm tra, tạo môi trường điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế của tỉnh phát triển sản xuất, kinh doanh, nhanh chóng cải thiện kết cấu kinh tế hạ tầng, kinh tế xã hội.

h) Đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin như: Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử, triển khai sử dụng văn bản điện tử. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

i) Rà soát, đánh giá khả năng nhạy bén trong giải quyết công việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức một cách có hệ thống dựa trên cơ sở tiêu chuẩn hóa các chức danh gắn với yêu cầu công việc cụ thể, khả năng thực thi nhiệm vụ, hiệu quả công tác.

k) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức, việc thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân.

l) Có giải pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công của tỉnh, nhất là các dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế...

m) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương để đẩy mạnh cải cách hành chính, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện cải cách hành chính, hàng năm lấy kết quả cải cách hành chính ở ngành mình, cấp mình làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

n) Lãnh đạo chính quyền các cấp, thủ trưởng các sở, ban, ngành có kế hoạch định kỳ tổ chức gặp gỡ, trao đổi với công dân, tổ chức doanh nghiệp để trực tiếp tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị, đồng thời xử lý kịp thời những vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính. Định kỳ tổ chức đối thoại, giao lưu trực tuyến giữa lãnh đạo tỉnh với công dân, tổ chức và doanh nghiệp để giải quyết những thắc mắc, nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp, từ đó đưa ra những chính sách trong hoạt động đầu tư; xây dựng kênh thông tin trực tiếp giữa cơ quan công quyền với người dân.

o) Nâng cao năng lực, nhận thức, thái độ ứng xử văn minh của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp dân và tiếp nhận thủ tục hành chính. Xử lý

ng nghiêm đối với những cán bộ, công chức, viên chức cố tình gây khó khăn, sách nhiễu khi tiếp nhận và trả kết quả công việc của người dân và doanh nghiệp.

p) Ban hành Chỉ số cải cách hành chính áp dụng trong nội bộ tỉnh.

q) Trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, phải làm tốt công tác tổng hợp, thống kê, lưu trữ để phục vụ công tác theo dõi, đánh giá. Để từ đó thống kê được những công việc, nhiệm vụ đã làm, chưa làm và có đối chiếu so sánh những kết quả đã đạt được với những yêu cầu, nhiệm vụ được đặt ra trong kế hoạch.

## 2. Giải pháp cụ thể

a) Thứ nhất: Lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện cải cách hành chính từ UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, UBND các xã phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra về CCHC, kỷ cương, kỷ luật hành chính, ít nhất mỗi năm thanh tra, kiểm tra được 30% số cơ quan, đơn vị;

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời, triển khai có hiệu quả Quyết định số 1383/QĐ-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và Công văn số 1159/BNV-CCHC ngày 10/4/2014 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Lồng ghép việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức thiết thực thông qua Báo, Đài, các tổ chức đoàn thể (Tỉnh đoàn, Liên đoàn Lao động)...

b) Thứ hai: Lĩnh vực cải cách thể chế

Tiếp tục rà soát, cập nhật văn bản QPPL do Trung ương và UBND tỉnh ban hành, nhằm sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp; đổi mới quy trình hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của tỉnh, đảm bảo sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp khi ban hành văn bản.

c) Thứ ba lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục cải cách TTHC nhằm bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong giải quyết công việc hành chính. Loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho tổ chức, công dân. Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020 (theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ);

d) Thứ tư: Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị, hoàn thiện quy chế làm việc, kiện toàn và sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với các lĩnh vực quản lý, điều hành. Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

đ) Thứ năm: Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với số lượng phù hợp, chất lượng ngày càng nâng cao, cơ cấu hợp lý với vị trí việc làm, có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, không ngừng đổi mới sáng tạo. Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm (*theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ*);

- Tiếp tục tổ chức thi nâng ngạch công chức hành chính theo nguyên tắc cạnh tranh;

- Tiếp tục đổi mới nội dung chương trình và phương thức đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng nâng cao kiến thức, kỹ năng hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức theo chức trách, nhiệm vụ đang đảm nhận. Mỗi loại cán bộ, công chức có chương trình, nội dung đào tạo và bồi dưỡng phù hợp.

e) Thứ sáu: Lĩnh vực đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan sự nghiệp công lập

- Tiếp tục thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ đối với cơ quan nhà nước và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ;

- Cải cách và triển khai diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; chất lượng dịch vụ công từng bước được nâng cao, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế; đảm bảo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020 (*theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ*).

g) Thứ bảy: Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 12/2014/CT-UBND ngày 09/5/2014 của UBND tỉnh về đẩy mạnh triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đề đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện (theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ).

- Tiếp tục thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và chuyển đổi sang Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001:2008 theo Kế hoạch đề ra. Triển khai thực hiện Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001:2008 đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

h) Thứ tám: Lĩnh vực thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh về việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh; UBND các huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tiếp tục thực hiện Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 quy định trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã lên cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Nguồn kinh phí thực hiện:

1. Ngân sách địa phương, thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.
2. Từ các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã**

a) Chủ động tham mưu UBND tỉnh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án Xác định chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị; tiếp tục có giải pháp chỉ đạo cụ thể để chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng làm khó khăn đối với tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính;

c) Nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan, đơn vị và tại các đơn vị trực thuộc; thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa đối với tất cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị; niêm yết công khai, đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;



d) Rà soát, theo dõi những hạn chế trong Chỉ số cải cách hành chính hàng năm do Bộ Nội vụ đánh giá đối với tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực do cơ quan, đơn vị quản lý, từ đó tham mưu và đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) các giải pháp khắc phục;

đ) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hàng năm (*cung cấp các tài liệu kiểm chứng*), phối hợp tổ chức điều tra xã hội học theo yêu cầu của Bộ Nội vụ;

e) Nghiên cứu tổ chức triển khai giải quyết thủ tục hành chính (dịch vụ công) đạt mức độ 4.

## **2. Sở Nội vụ**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh thực hiện đầy đủ các nội dung quy định trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nội vụ và triển khai các công việc liên quan đến xác định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh hàng năm theo yêu cầu của Bộ Nội vụ;

b) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai hoàn thành các nhiệm vụ quy định tại các lĩnh vực ban hành kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ đạt chất lượng, đảm bảo đúng thời gian;

c) Chủ trì, phối hợp với các các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh tự đánh giá, chấm điểm và tổ chức điều tra xã hội học theo yêu cầu của Bộ Nội vụ phục vụ công tác xác định Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hàng năm;

d) Phối hợp với các các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính áp dụng trong nội bộ tỉnh (*năm 2016*);

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trong các lĩnh vực: Chỉ đạo điều hành, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cụ thể:

- Hàng năm, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (*quý IV của năm liền kề năm kế hoạch*). Đồng thời, hàng quý, 6 tháng và cuối năm tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ về việc thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh. Gắn kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng của tỉnh;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã (*quý IV của năm liền kề năm kế hoạch*), bảo đảm trên 30% số cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong kế hoạch, 100% kế hoạch được triển khai và 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành. Kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Triển khai Đề án xác định vị trí việc làm theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp:

+ Tỷ lệ cơ quan hành chính đạt 100% (sở, ban, ngành và tương đương ở tỉnh, phòng và tương đương ở huyện) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt;

+ Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thuộc huyện đạt trên 60% tổng số đơn vị có đề án cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt;

+ Thực hiện báo cáo, thống kê đảm bảo trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt;

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp sở và tương đương khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (quý IV của năm liền kề năm kế hoạch), đảm bảo thực hiện trên 90% kế hoạch. Chú trọng công tác tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức cấp xã, đảm bảo trên 80% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm.

- Tham mưu đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đảm bảo 100% cơ quan hành chính nhà nước có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

### 3. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tại các lĩnh vực: Cải cách thể chế và cải cách thủ tục hành chính, cụ thể:

a) Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm, bảo đảm hoàn thành 100% chương trình và 100% văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật hàng năm (quý IV của năm liền kề năm kế hoạch); triển khai 100% kế hoạch và thực hiện đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tư pháp đối với kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

c) Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật hàng năm (quý IV của năm liền kề năm kế hoạch); triển khai kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch đề ra. Vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. 100% văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định;

d) Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (quý IV của năm liền kề năm kế hoạch); tổ chức rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch và 100% các vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý;



e) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn trong việc cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp; bảo đảm 100% thủ tục hành chính và các quy định có liên quan được cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời và 100% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

#### **4. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, tham mưu UBND tỉnh thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Hàng năm căn cứ vào khả năng thu ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án. Đồng thời, thanh quyết toán đúng quy định hiện hành.

#### **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã mưu UBND tỉnh giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính thuộc lĩnh vực hiện đại hóa hành chính, cụ thể:

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (*quý IV của năm liền kề năm kế hoạch*), đảm bảo 100% kế hoạch được thực hiện;

b) Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh ở 3 tiêu chí: Tính kịp thời của thông tin, mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của tỉnh và mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã mở rộng cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2; tối thiểu 10 dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và phần đầu có từ 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 (*năm 2016*);

d) Kiểm tra, đôn đốc, triển khai có hiệu quả các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin được UBND tỉnh phê duyệt.

#### **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh quản lý, triển khai thực hiện có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo trên 80% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã được cấp chứng chỉ ISO. Chú ý đối với việc áp dụng và cấp chứng nhận ISO đối với UBND cấp xã (*năm 2016*).

#### **7. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh về nội dung cải cách hành chính trong lĩnh vực thu hút đầu tư, bao gồm: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong tổng thể đổi mới chính

sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kết hợp cải cách kinh tế với cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, là đầu mối trong việc phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan khác thuộc ngành dọc Trung ương quản lý để thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thu hút đầu tư, đơn giản hóa các thủ tục hành chính về điều kiện kinh doanh. Bố trí nguồn vốn đầu tư để cải tạo, xây dựng mới nơi làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

### **8. Sở Y tế**

Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công của tỉnh, tập trung vào các nội dung:

a) Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và y đức cho đội ngũ viên chức ngành y tế và kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ bác sĩ, y tá, điều dưỡng, nhân viên phục vụ tại các cơ sở y tế, bệnh viện; nhất là bộ phận tiếp xúc trực tiếp với người dân để từng bước nâng cao sự hài lòng của người dân khi sử dụng các dịch vụ y tế;

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế; khắc phục tình trạng người dân còn mất nhiều thời gian chờ làm thủ tục khám, xét nghiệm và lấy thuốc; nâng cao chất lượng phục vụ tại các cơ sở y tế;

c) Chỉ đạo các cơ sở y tế, bệnh viện thực hiện công khai các hình thức tiếp nhận, phản ánh và kịp thời xử lý các kiến nghị của người dân về thái độ phục vụ, các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của đội ngũ viên chức ngành y tế.

### **9. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc dạy và học ở các cấp; thường xuyên tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục; chỉ đạo các trường giảm bớt việc thu, chi đầu năm học. Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục.

### **10. Đài phát thanh và truyền hình**

Tiếp tục thực hiện và nghiên cứu đổi mới, đa dạng hóa Chương trình Gặp gỡ và đối thoại trực tiếp với người dân và tổ chức; duy trì và nâng cao chất lượng chuyên đề, tin tức cải cách hành chính. Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan để kịp thời cập nhật tin tức về cải cách hành chính trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các Đài truyền thanh địa phương;

### **11. Thời gian và mức độ triển khai**

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã trong phạm vi trách nhiệm của ngành mình, địa phương mình, triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án này; định kỳ hàng quý, 6 tháng, một năm báo cáo kết quả (lồng ghép chung với báo cáo cải cách hành chính) gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã được giao nhiệm vụ phải có báo cáo đánh giá về trách nhiệm của ngành mình đối với Chỉ số cải cách hành chính được công bố, nhất là các Chỉ số giảm so với năm trước liền kề. Báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ*) sau khi Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh được công bố 15 ngày.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh để xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH 



  
*Nguyễn Văn Trâm*